



CÔNG TẮC HÀNH TRÌNH

CATALOG

CÔNG TẮC HÀNH TRÌNH DÒNG GGM



Dạng công tắc

GGM

-

1

2

1 Dạng công tắc

- | | |
|--|--|
| 901 : Loại nhấn pit tông | 916 : Loại cần gạt chạc hai, hai con lăn lắp phía sau cần gạt |
| 902 : Loại con lăn, nhấn pit tông | 926 : Loại cần gạt chạc hai, hai con lăn lắp ngược nhau (sau và trước cần gạt) |
| 903 : Loại đầu bi, nhấn pit tông | 936 : Loại cần gạt chạc hai, hai con lăn lắp ngược nhau (trước và sau cần gạt) |
| 904 : Loại đầu con lăn, cần gạt dài có thể điều chỉnh kích thước | 907 : Loại thanh dài, có thể điều chỉnh kích thước |
| 914 : Loại cần gạt ngắn, đầu con lăn, có thể điều chỉnh kích thước cần gạt | 908 : Loại cần gạt, đầu con lăn |
| 905 : Loại cần gạt, đầu con lăn cao su Ø50 | 909 : Loại thanh lò xo |
| 915 : Loại cần gạt, đầu con lăn cao su Ø50 | 919 : Lò xo cuộn |
| 925 : Loại cần gạt có thể điều chỉnh kích thước, đầu con lăn nhôm Ø50 | |
| 935 : Loại cần gạt có thể điều chỉnh kích thước, đầu con lăn cao su Ø50 | |
| 906 : Loại cần gạt chạc hai, đầu con lăn | |

2 Chỉ báo

(Trống) : Tiêu chuẩn (không có chỉ báo) L : Đèn LED (12-24VDC/AC) N : Đèn Neon (100-240VAC)

Thông số kỹ thuật

Hình thức tiếp xúc		1N/O + 1N/C
Chất liệu tiếp xúc		Hợp kim bạc mạ vàng 24K
Dòng điện định mức		12A, 250VAC, tải điện trở
Điện trở cách điện		Tối thiểu 100MΩ, cách điện 500VDC
Điện trở tiếp xúc		Tối đa 15mΩ
Điện áp bên trong	Giữa các tiếp điểm	1,000VAC 50/60Hz trong 1 phút
	Giữa mỗi tiếp điểm và phần không mang điện	2,200VAC 50/60Hz trong 1 phút
Tuổi thọ	Cơ khí	Tối thiểu 10.000.000 chu kỳ
	Điện	Tối thiểu 1.000.000 chu kỳ
Tần số hoạt động	Cơ khí	120 lần/phút
	Điện	30 lần/phút
Tốc độ hoạt động		1mm ~ 1m/giây
Khả năng chịu sốc rung		10 ~ 55Hz, sóng đôi dài 1.5mm
Chống sốc va đập	Sự cố kỹ thuật	1.000 m/s², tối đa 100G
	Phá hủy	300 m/s², tối đa 30G
Độ bảo vệ		IP67
Nhiệt độ môi trường		-10°C ~ +80°C (không có ẩm ướt)
Độ ẩm môi trường tối đa		95%RH
Vật liệu vỏ		Nhôm đúc
Trọng lượng		Khoảng 270g

Hiệu suất và đặc điểm kỹ thuật

Điện áp	Không cảm ứng		Cảm ứng	
	Tải trở kháng	Tải bóng đèn	Tải động cơ	Tải cảm ứng
125VAC	16A	5A	8A	16A
250VAC	12A	3A	5A	12A
500VAC	10A	2.5A	2.5A	10A
30VDC	8A	6A	6A	8A
125VDC	1A	0.3A	0.3A	1A
250VDC	0.5A	0.2A	0.2A	0.5A

Tiếp điểm

GGM-101



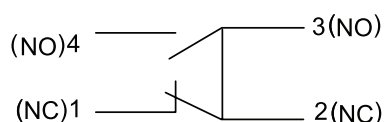
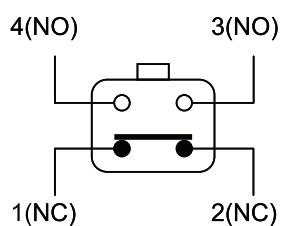
Nhãn hiển thị loại đèn báo

GGM-102

GGM-103



Sơ đồ vẽ mạch



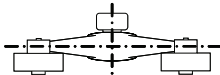
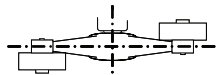
Lựa chọn sản phẩm

	Chỉ báo đèn	Mã số	Hình dạng đầu	OF	RF	PT	OT	MD	TT	OP	TTP
	Tiêu chuẩn Đèn LED Đèn Neon	GGM-901 GGM-901L GGM-901N	Loại nhấn pit tổng	2,720gf (26.57N)	910gf (8.92N)	1.9 ± 0.2 mm	6.4mm	1mm	-	34 ± 0.8 mm	29.5 mm
	Tiêu chuẩn Đèn LED Đèn Neon	GGM-902 GGM-902L GGM-902N	Loại con lăn, nhấn pit tổng	2,720gf (26.57N)	910gf (8.92N)	1.9 ± 0.2 mm	5.6mm	1mm	-	44 ± 0.8 mm	39.5 mm
	Tiêu chuẩn Đèn LED Đèn Neon	GGM-903 GGM-903L GGM-903N	Loại đầu bi, nhấn pit tổng	2,720gf (26.57N)	910gf (8.92N)	1.9 ± 0.2 mm	4mm	1mm	-	44.5 ± 0.8 mm	41 mm
	Tiêu chuẩn Đèn LED Đèn Neon	GGM-904 GGM-904L GGM-904N	Loại cần gạt dài, đầu con lăn, có thể điều chỉnh kích thước cần gạt	1,360gf (13.34N)	227gf (2.23N)	25±5°	65°	10°	95°	-	-
	Tiêu chuẩn Đèn LED Đèn Neon	GGM-914 GGM-914L GGM-914N	Loại cần gạt ngắn, đầu con lăn, có thể điều chỉnh kích thước cần gạt	1,360gf (13.34N)	227gf (2.23N)	25±5°	65°	10°	95°	-	-
	Tiêu chuẩn Đèn LED Đèn Neon	GGM-905 GGM-905L GGM-905N	Loại cần gạt, đầu con lăn lớn Ø50	1,360gf (13.3N)	227gf (2.2N)	25±5°	65°	10°	95°	-	-
	Tiêu chuẩn Đèn LED Đèn Neon	GGM-915 GGM-915L GGM-915N	Loại cần gạt, đầu con lăn cao su Ø50	1,360gf (13.3N)	227gf (2.2N)	25±5°	65°	10°	95°	-	-
	Tiêu chuẩn Đèn LED Đèn Neon	GGM-925 GGM-925L GGM-925N	Loại cần gạt có thể điều chỉnh kích thước, đầu con lăn nhôm Ø50	1,360gf (13.34N)	227gf (2.23N)	25±5°	65°	10°	95°	-	-

Lựa chọn sản phẩm

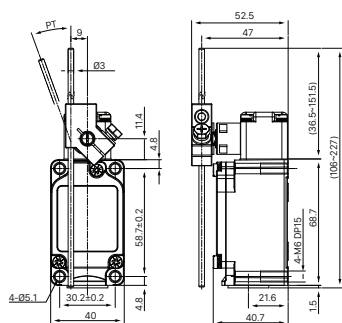
	Chỉ báo đèn	Mã số	Hình dạng đầu	OF	RF	PT	OT	MD	TT	OP	TTP
	Tiêu chuẩn	GGM-935	Loại cần gạt có thể điều chỉnh kích thước, đầu con lăn cao su Ø50	1,360gf (13.3N)	227gf (2.2N)	25±5°	65°	10°	95°	-	-
	Đèn LED	GGM-935L									
	Đèn Neon	GGM-935N									
	Tiêu chuẩn	GGM-907	Loại thanh dài, có thể điều chỉnh kích thước	142gf (13.34N)	28gf (0.27N)	20±5°	65°	10°	95°	-	-
	Đèn LED	GGM-907L									
	Đèn Neon	GGM-907N									
	Tiêu chuẩn	GGM-908	Loại cần gạt, đầu con lăn	1,360gf (13.34N)	227gf (2.23N)	15±5°	80°	12°	100°	-	-
	Đèn LED	GGM-908L									
	Đèn Neon	GGM-908N									

Lựa chọn sản phẩm

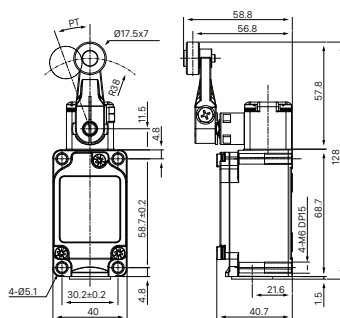
	Chi báo đèn	Mã số	Hình dạng đầu	OF	RF	PT	OT	Hình dạng đầu
	Tiêu chuẩn Đèn LED Đèn Neon	GGM-906 GGM-906L GGM-906N	Loại chặc hai, cần gạt, đầu con lắn	1,200gf (11.8N)	-	50±5°	35°	-
	Tiêu chuẩn Đèn LED Đèn Neon	GGM-916 GGM-916L GGM-916N	Loại chặc hai cần gạt, hai con lắn lắp phía sau cần gạt	1,200gf (11.8N)	-	50±5°	35°	
	Tiêu chuẩn Đèn LED Đèn Neon	GGM-926 GGM-926L GGM-926N	Loại chặc hai cần gạt, hai con lắn lắp ngược nhau (một phía sau và một phía trước cần gạt)	1,200gf (11.8N)	-	50±5°	35°	
	Tiêu chuẩn Đèn LED Đèn Neon	GGM-936 GGM-936L GGM-936N	Loại chặc hai cần gạt, hai con lắn lắp ngược nhau (một phía trước và một phía sau cần gạt)	1,200gf (11.8N)	-	50±5°	35°	
	Tiêu chuẩn Đèn LED Đèn Neon	GGM-909 GGM-909L GGM-909N	Loại lò xo cuộn	150gf (1.47N)	-	20±10°	-	-
	Tiêu chuẩn Đèn LED Đèn Neon	GGM-919 GGM-919L GGM-919N	Loại lò xo cuộn	150gf (1.47N)	-	20±10°	-	-

Lựa chọn sản phẩm

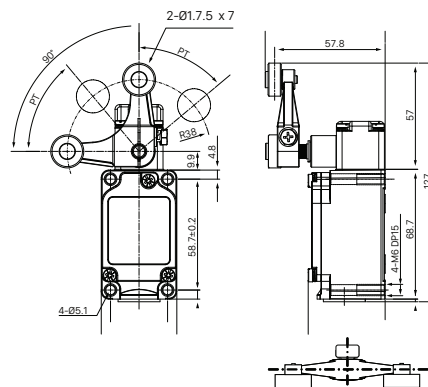
Loại thanh dài, có thể điều chỉnh kích thước
GGM-907



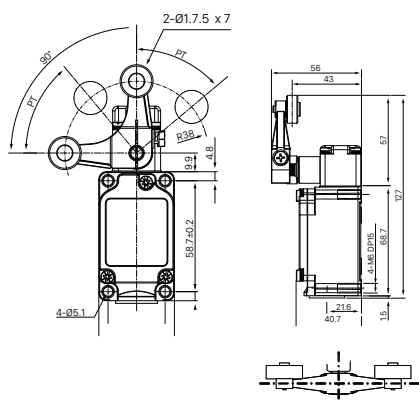
Loại cần gạt, đầu con lăn
GGM-908



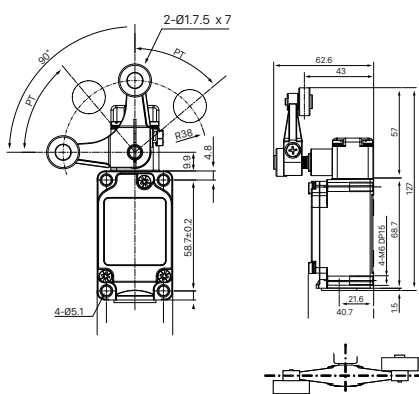
Dạng cần gạt chạc hai,
hai con lăn lắp ngược nhau
GGM-906



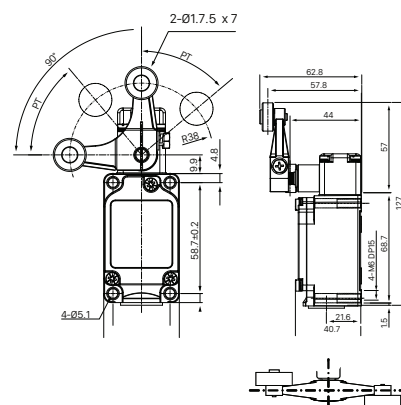
Dạng cần gạt chạc hai,
hai con lăn lắp ngược nhau
GGM-916



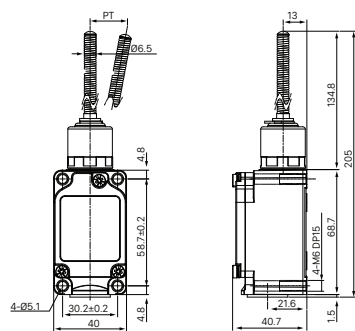
Dạng cần gạt chạc hai,
hai con lăn lắp ngược nhau
GGM-926



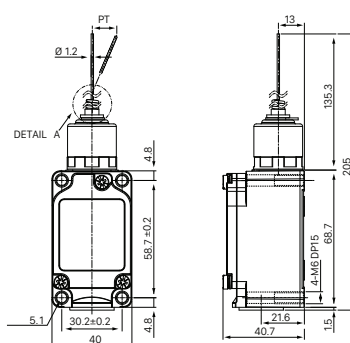
Dạng cần gạt chạc hai,
hai con lăn lắp ngược nhau
GGM-936



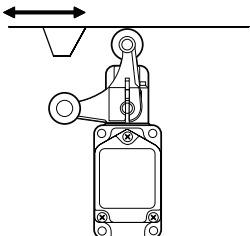
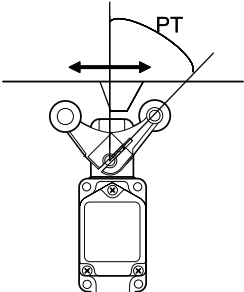
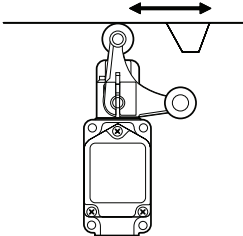
Dây lò xo
GGM-909



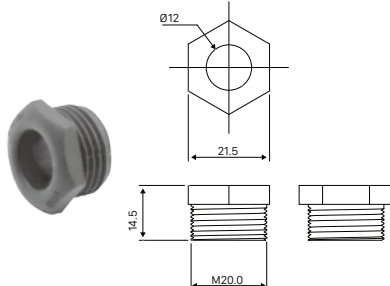
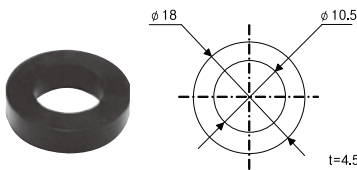
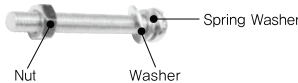
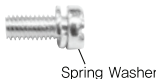
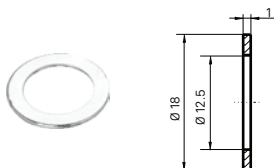
Lò xo cuộn
GGM-919



Hoạt động của công tắc tích hợp theo sự chuyển động của cần gạt chạc hai

Ứng dụng của NC	Ứng dụng của NO	Ứng dụng của NO
		

Phụ kiện cơ bản

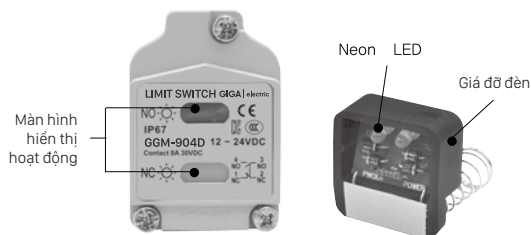
PG (đen)		Dây cao su
		
Bu lông gắn phía trước	Bu lông gắn phía sau	Đệm
 [M5X40mm X 4ea]	 [M6X14mm X 4ea]	

Bao bì cao su

Mục	Điện áp định mức	Dòng điện định mức	Mã đơn hàng
Đèn LED	12 ~ 24VAC/DC	Khoảng 1mA	AC Load : GGM- ☒ L
Đèn Neon	100 ~ 240VAC	0.6 ~ 2mA	DC Load : GGM - ☒ N

- Có hai loại đèn báo: Đèn neon và đèn LED.
- Kiểm tra mạch và phát hiện lỗi dễ dàng vì trạng thái hoạt động của switch dễ kiểm tra bên ngoài.
- Người dùng có thể thay đổi trạng thái hoạt động của đèn bằng cách thay đổi hướng lắp của hộp đèn theo chiều 180° (lên hoặc xuống) bên trong nắp đèn chỉ báo.
- Không cần kết nối thêm cho các đầu để đèn vì phần dây dẫn gắn vào đèn chỉ báo tiếp xúc trực tiếp với vít gắn của switch tích hợp.

Bảng chuyển hướng đèn chỉ báo hoạt động



Khi hoạt động bình thường

Khi không hoạt động



LED sáng



LED tối

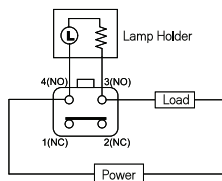
- Loại đèn LED không yêu cầu phải thay đổi cực tính vì nó có bộ chỉnh lưu tích hợp.
- Nắp đèn báo được tạo thành bằng cách phủ nhựa trong suốt trên vật liệu đúc khuôn nhôm, có thể sử dụng ở nơi có dầu cắt. Ngoài ra, trạng thái hoạt động (Bật khi hoạt động hoặc không hoạt động) có thể được kiểm tra bên ngoài.
- Điều này lý tưởng cho những nơi khó kiểm tra quá trình di chuyển của sản phẩm trên băng tải.

- Trong hình, các trạng thái như sau:
Khi hoạt động bình thường : Đèn LED sẽ sáng.
Khi không hoạt động: Đèn LED sẽ tối xuống.

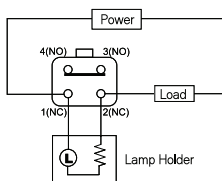
Sơ đồ mạch điện và dây đèn báo

Sơ đồ nối dây bên trong

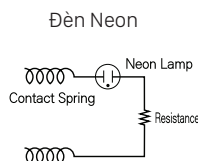
Sơ đồ mạch



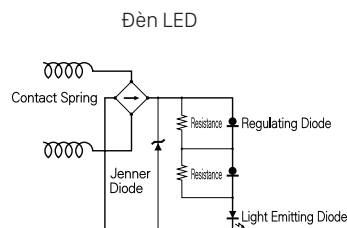
Đèn bật khi công tắc NC không kết nối.



Đèn bật khi công tắc NO kết nối.

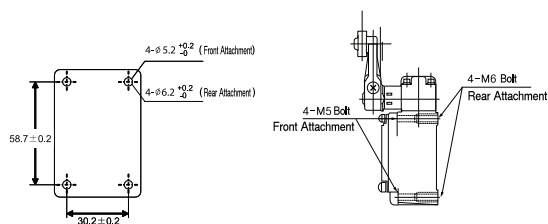


Đèn Neon



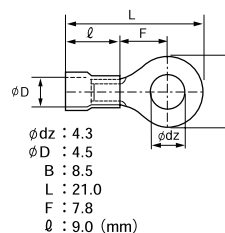
Đèn LED

Lắp đặt

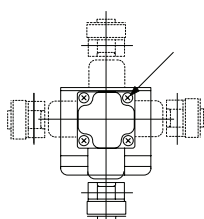


Dây buộc vít cố định được gửi kèm cùng sản phẩm.

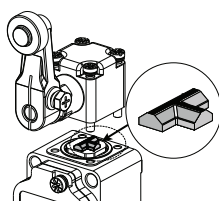
Chân cắm chịu áp lực khi sử dụng



Cách thay đổi hướng của phần đầu nối

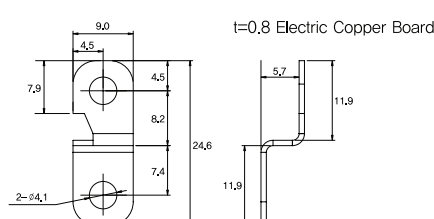


Vị trí của phần đầu có thể được thay đổi theo bốn hướng bằng cách tháo lỏng bốn ốc siết.



Các bộ phận bên trong có hình mũi tên phải quay cùng hướng với phần đầu khi quay.

Thanh ngăn, có thể đặt riêng



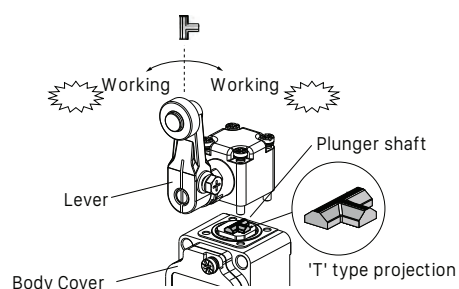
Nếu chân cắm ngăn được sử dụng như trong hình, công tắc có thể là loại hai cực đơn kiểu nhấn đúp.

Lựa chọn hành vi tiếp xúc bằng cách điều chỉnh hướng của trục khí nạp bên trong

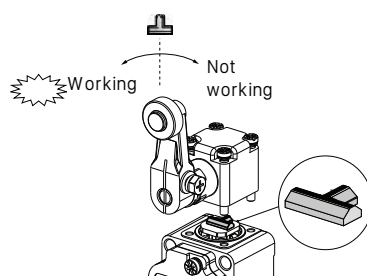
Các mẫu phù hợp: GGM-908; GGM-904; GGM-914; GGM-907; GGM-905; GGM-915; GGM-925; GGM-935

Kéo trục khí nạp ra theo hướng của bộ điều khiển tiếp xúc mong muốn, thay đổi hướng của phần 'T' trên phần trên của trục khí nạp, rồi lắp lại.

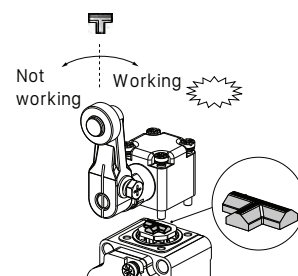
Lưu ý: Ví dụ này áp dụng khi cần điều chỉnh cho lever nằm cùng bên với nắp chính. Khi lever nằm ở phía bên kia, cần chỉnh hướng hoạt động của bộ khí nạp để phù hợp với vị trí của lever.



Tất cả các chức năng hoạt động theo mặc định chế độ của nhà máy

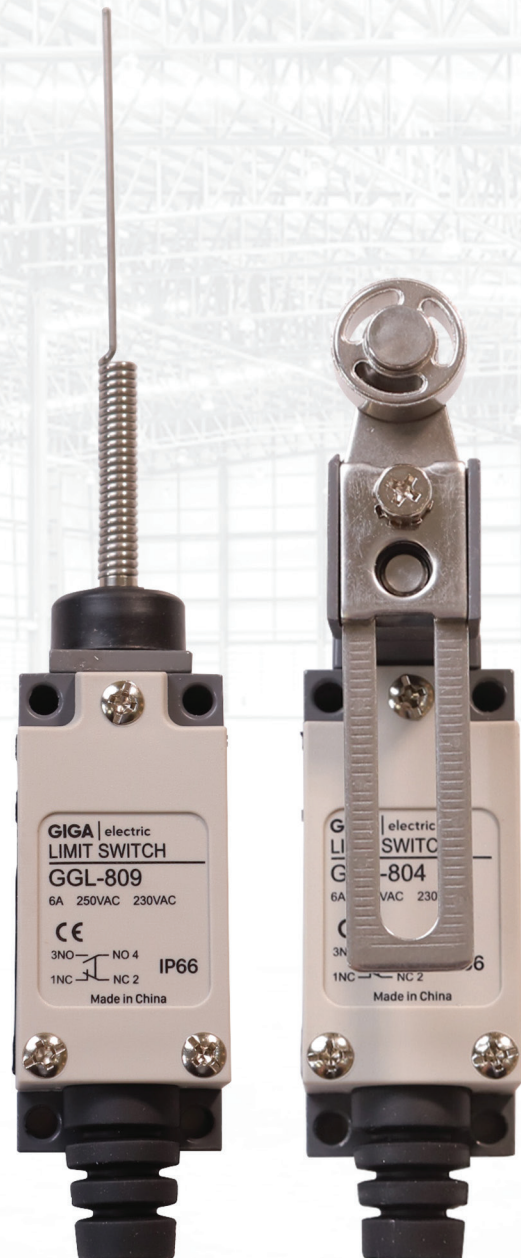


Chỉ hoạt động khi lever chuyển sang trái



Chỉ hoạt động khi lever xoay sang phải

CÔNG TẮC HÀNH TRÌNH **DÒNG GGL**



Dạng công tắc

GGL

-

1

2

1 Dạng công tắc

802 : Loại đầu con lặn, nhấn pit tông

812 : Loại đầu con lặn xoay dọc - nhấn pit tông

803 : Loại nhấn pit tông

804 : Loại đầu con lặn, cần gạt dài có thể điều chỉnh kích thước

805 : Loại cần gạt có thể điều chỉnh kích thước, đầu con lặn cao su Ø50

807 : Loại thanh dài có thể điều chỉnh kích thước

808 : Loại đầu con lặn, cần gạt

809 : Loại thanh lò xo

819 : Loại dây lò xo

829 : Loại thanh lò xo, đầu nhựa

839 : Loại thanh lò xo, đầu kim loại

2 Chỉ báo

(Trống) : Tiêu chuẩn (không có chỉ báo)

L : Đèn LED (12-24VDC/AC)

N : Đèn Neon (100-240VAC)

Thông số kỹ thuật

Hình thức tiếp xúc	1N/O + 1N/C	
Chất liệu tiếp xúc	Hợp kim bạc mạ vàng 24K	
Dòng điện định mức	6A, 250VAC, tải điện trở	
Điện trở cách điện	Tối thiểu 100MΩ, điện trở cách điện 500VDC	
Điện trở tiếp xúc	Tối đa 25mΩ	
Độ bền điện dung	1.500VAC, 50/60Hz, trong 1 phút	
Điện áp bên trong	Giữa các tiếp điểm	1.000VAC 50/60Hz 1 phút
	Giữa mỗi tiếp điểm và phần không mang điện	1.500VAC 50/60Hz 1 phút
Tuổi thọ	Cơ khí	Tối thiểu 1,000,000 lần
	Điện	Tối thiểu 300,000 lần
Kháng rung lắc	10 ~ 55Hz, chiều dài sóng 1.5mm	
Chống sốc va đập	Sự cố kỹ thuật	98m/s², tối đa 10G
	Phá hủy	294m/s², tối đa 30G
Cấu trúc bảo vệ	IP66	
Nhiệt độ môi trường	-20°C đến +60°C (không đóng tuyết)	
Độ ẩm môi trường tối đa	Tối đa 90% RH	
Trọng lượng	Khoảng 130 ~ 190g	

* Hãy nhớ sử dụng kẹp dây khi sử dụng IP66.

Điện áp	Tải trở kháng		Tải bóng đèn		Tải động cơ		Tải cảm ứng	
	NC(A)	NO(A)	NC(A)	NO(A)	NC(A)	NO(A)	NC(A)	NO(A)
125VAC	6		1.5	0.7	2	1	3	
250VAC	6		1	0.5	1.5	0.8	3	
500VAC	2		0.75	0.35	0.75	0.4	0.75	
30VDC	5		3		3		4	
125VDC	0.4	0.2	-		-		-	
250VDC								

Tiếp điểm

GGL-101



Nhãn sản phẩm

GGL-102

GGL-103

12 ~ 24VAC/DC LED Lamp



100 ~ 240VAC Neon Lamp



Lựa chọn sản phẩm

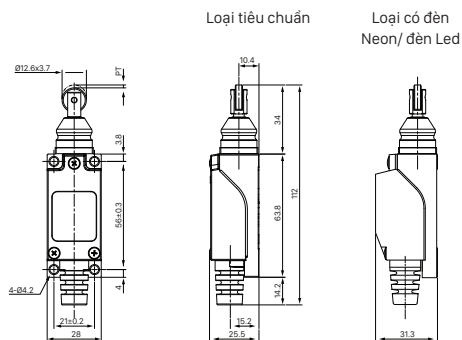
	Chỉ báo đèn	Mã số	Hình dạng đầu	OF	RF	PT	MD	OT	TT
	Tiêu chuẩn Đèn LED Đèn Neon	GGL-802 GGL-802L GGL-802N	Loại đầu con lăn, nhấn pit tổng	900gf (8.83N)	150gf (1.47N)	1.5mm	0.7mm	4mm	5.5mm
	Tiêu chuẩn Đèn LED Đèn Neon	GGL-812 GGL-812L GGL-812N	Loại đầu con lăn xoay dọc - nhấn pit tổng	900gf (8.83N)	150gf (1.47N)	1.5mm	0.7mm	4mm	5.5mm
	Tiêu chuẩn Đèn LED Đèn Neon	GGL-803 GGL-803L GGL-803N	Loại nhấn pit tổng	900gf (8.83N)	150gf (1.47N)	1.5mm	0.7mm	4mm	5.5mm
	Tiêu chuẩn Đèn LED Đèn Neon	GGL-804 GGL-804L GGL-804N	Loại cần gạt có thể điều chỉnh kích thước, đầu con lăn cao su Ø50	800gf (7.84N) ~ 342gf (3.35N)	50gf (0.49N) ~ 21gf (0.21N)	20°	10°	75°	95°
	Tiêu chuẩn Đèn LED Đèn Neon	GGL-805 GGL-805L GGL-805N	Loại cần gạt có thể điều chỉnh kích thước, đầu con lăn cao su Ø50	800gf (7.84N) ~ 342gf (3.35N)	50gf (0.49N) ~ 21gf (0.21N)	20°	10°	75°	95°

Lựa chọn sản phẩm

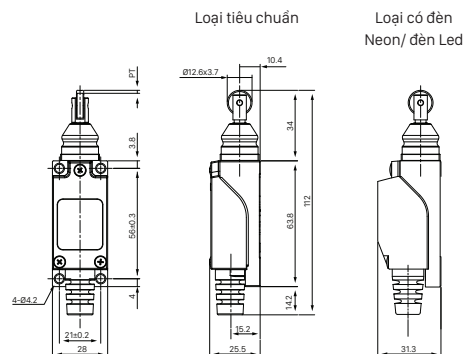
	Chỉ báo đèn	Mã số	Hình dạng đầu	OF	RF	PT	MD	OT	TT
	Tiêu chuẩn Đèn LED Đèn Neon	GGL-807 GGL-807L GGL-807N	Loại thanh dài có thể điều chỉnh kích thước	800gf (7.84N) ~ 230gf (1.99N)	50gf (0.49N) ~ 12gf (0.12N)	20°	10°	75°	95°
	Tiêu chuẩn Đèn LED Đèn Neon	GGL-808 GGL-808L GGL-808N	Loại đầu con lăn, cần gạt	600gf (5.88N)	150gf (0.49N)	20°	10°	75°	95°
	Tiêu chuẩn Đèn LED Đèn Neon	GGL-809 GGL-809L GGL-809N	Loại thanh lò xo	90gf (8.88N)	-	30°	-	20°	50°
	Tiêu chuẩn Đèn LED Đèn Neon	GGL-819 GGL-819L GGL-819N	Loại dây lò xo	90gf (8.88N)	-	30°	-	20°	50°
	Tiêu chuẩn Đèn LED Đèn Neon	GGL-829 GGL-829L GGL-829N	Loại thanh lò xo, đầu nhựa	90gf (8.88N)	-	30°	-	20°	50°
	Tiêu chuẩn Đèn LED Đèn Neon	GGL-839 GGL-839L GGL-839N	Loại đầu con lăn, có thể điều chỉnh	90gf (8.88N)	-	30°	-	20°	50°

Lựa chọn sản phẩm

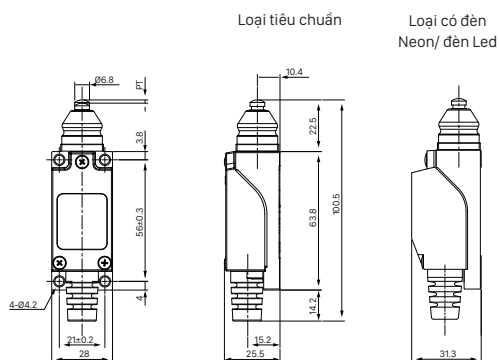
Loại đầu con lăn, nhấn pit tông
GGL-802



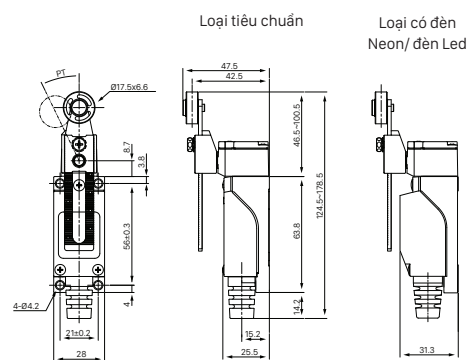
Loại đầu con lăn xoay dọc - nhấn pit tông
GGL-812



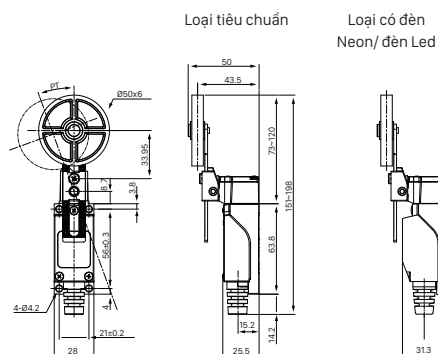
Loại nhấn pit tông
GGL-803



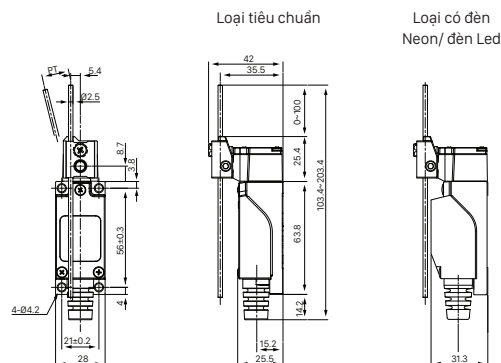
Loại đầu con lăn, cần gạt dài có thể điều chỉnh kích thước
GGL-804



Dạng con lăn cao su Ø50, cần gạt có thể điều chỉnh kích thước
GGL-805

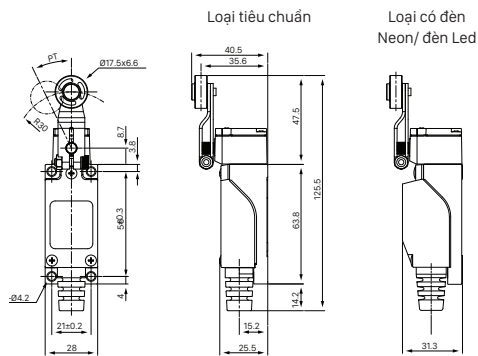


Loại thanh dài có thể điều chỉnh kích thước
GGL-807

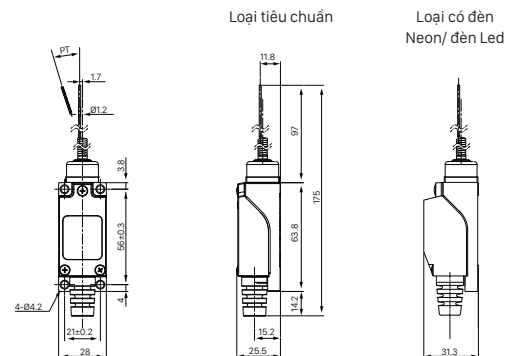


Lựa chọn sản phẩm

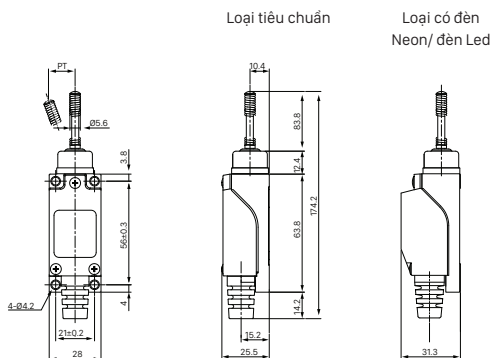
Loại đầu con lăn, cần gạt
GGL-808



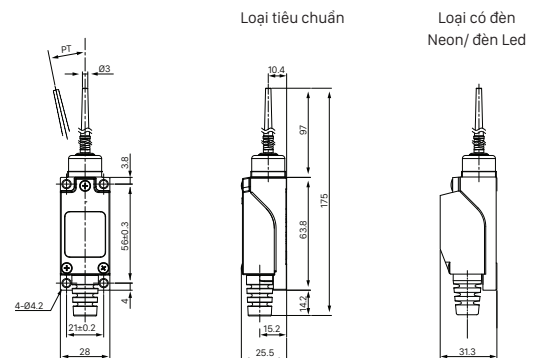
Loại thanh lò xo
GGL-809



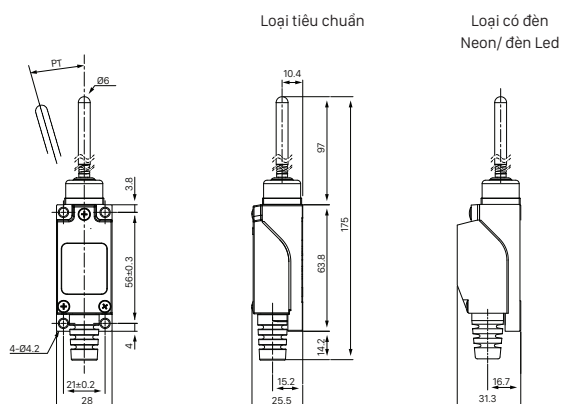
Loại dây lò xo
GGL-819



Loại thanh lò xo, đầu nhựa
GGL-829



Loại thanh lò xo, đầu kim loại
GGL-839



Đánh giá đèn chỉ thị hoạt động

Mục	Điện áp định mức	Dòng điện định mức	Mã đặt hàng
Đèn LED	12 ~ 24VAC/DC	0,5 ~ 1,5mA	Tài AC: GGL - ☒ L
Đèn Neon	100 ~ 240VAC	0,2 ~ 1,5mA	Tài DC: GGL - ☒ N

- Có hai loại đèn báo: Đèn neon và đèn LED.
- Kiểm tra mạch và phát hiện lỗi dễ dàng vì trạng thái hoạt động của switch để kiểm tra bên ngoài.
- Người dùng có thể thay đổi trạng thái hoạt động của đèn bằng cách thay đổi hướng lắp của hộp đèn theo chiều 180° (lên hoặc xuống) bên trong nắp đèn chỉ báo.
- Không cần kết nối thêm cho các đầu để đèn vì phần dây dẫn gắn vào đèn chỉ báo tiếp xúc trực tiếp với vít gắn của switch tích hợp.



Chuyển hướng đèn báo hoạt động

- Đầu dây của đèn không cần dây dẫn bổ sung, vì nó được nối qua lò xo trong vỏ đèn báo và ốc vít đầu nối công tắc đã tích hợp sẵn.
- Đèn báo có thể chọn giữa các chế độ "Bật khi hoạt động" và "Bật khi không hoạt động".
- Đèn báo có thể được chuyển đổi bằng cách tháo rời bộ giữ đèn trong vỏ bằng dụng cụ, bao gồm cả tua vít.



Tháo bộ giữ đèn



Đèn bật sáng khi hoạt động

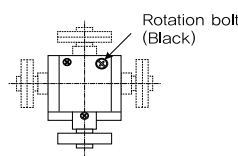


Đèn bật sáng khi không hoạt động

- Người dùng có thể thay đổi chế độ hoạt động bằng cách thay đổi hướng lắp đèn trong vỏ đèn báo bằng cách xoay 180° (lên hoặc xuống) trong vỏ đèn báo.
- Cài đặt mặc định của nhà máy là "Bật khi hoạt động".

Gắn đầu thiết bị

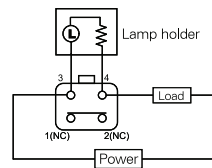
Ở loại cần gạt, đầu có thể được đặt theo một trong bốn hướng với khoảng cách xoay 90°.



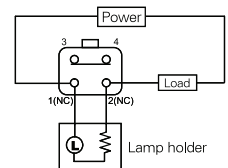
Để thay đổi hướng đầu, hãy nới lỏng bu lông màu đen ở đỉnh đầu, xoay đầu và siết chặt bu lông lại.

Sơ đồ đấu nối & mạch điện của đèn báo hoạt động

Dây bên trong



Bật khi không hoạt động:
Đèn sáng khi tiếp điểm NC mở.

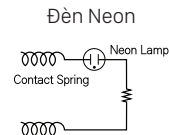


Bật khi hoạt động:
Đèn sáng khi tiếp điểm NO mở.

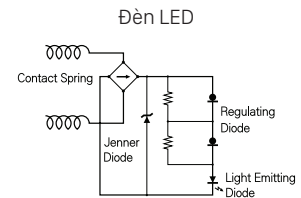
CẢNH BÁO:

Sử dụng cùng một nguồn cung cấp điện cho các đầu nối.
Kết nối cực dương và cực âm đúng cực của nguồn điện cho các đầu (1 và 4, 2 và 3).

Sơ đồ minh họa



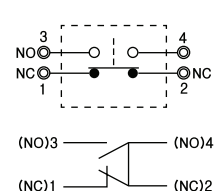
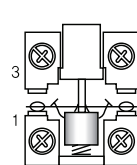
Đèn Neon



Đèn LED

Sơ đồ mạch chuyển mạch tích hợp

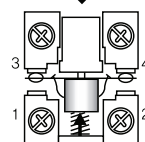
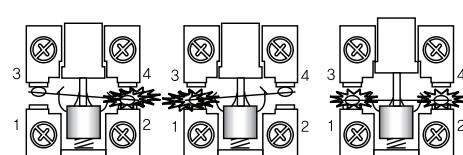
24K Au Plate



Mở tiếp xúc trực tiếp -> Mở trực tiếp

- Thiết bị an toàn với cơ chế cắt mạch khi xảy ra hiện tượng hàn tiếp điểm công tắc.
- Nếu mối hàn xuất hiện, pít tông sẽ đẩy trực tiếp đầu di chuyển lên để tách mạnh tiếp điểm NC và cắt mạch.
- Chức năng mở trực tiếp chỉ dành cho tiếp điểm NC.
- Pít tông tiếp tục đẩy đầu di động trong suốt quá trình hoạt động, và mạch sẽ không bị cắt do tác động cơ học.

Hàn

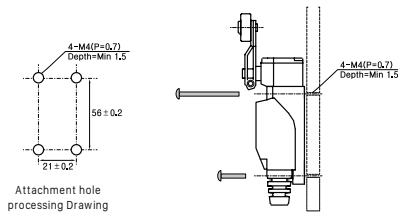


Mối hàn tiếp xúc sau khi mở trực tiếp

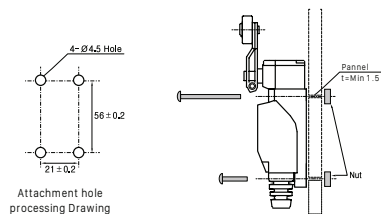
Lắp đặt trên bảng điều khiển

- Sản phẩm này có thể lắp đặt ở phía trước hoặc phía sau.
- Trước khi lắp đặt sản phẩm, xác định vị trí của nó sao cho phù hợp với trục quay của bộ tác động (OT).
- Quá nhiều OT sẽ làm giảm tuổi thọ của sản phẩm do mài mòn và quá tải
- Sau khi xác định vị trí lắp đặt, tham khảo các loại sau để xử lý: Hãy chắc chắn sử dụng đệm lò xo cho các bu lông lắp đặt để không bị rung lắc hoặc va đập làm rơi sản phẩm.

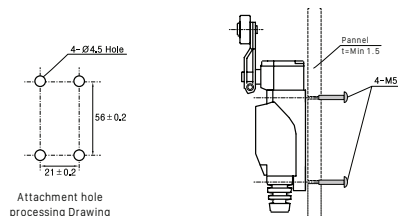
Loại 1. Gắn phía trước - Xử lý đầu trực tiếp trên bảng điều khiển



Loại 2. Đinh kèm phía trước - Gia công lỗ trực tiếp trên tấm ốp



Loại 3. Gắn phía sau - Sử dụng đầu M5 của sản phẩm



Các bu lông và đai ốc ở trên được vận chuyển cùng với sản phẩm.

Dây dẫn

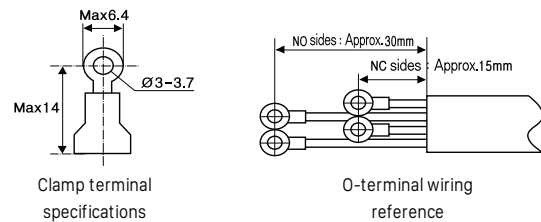
- Kích thước phù hợp của dây dẫn đi qua đầu ra dẫn dây (NBR) là từ Ø6,6 đến Ø8,5.
 - Việc sử dụng cáp VCTF là phù hợp
 - Bảng dưới đây trình bày các thông số của cáp VCTF.
- Chọn dây phù hợp dựa trên số dòng và thông số trong bảng.

Số dòng nhỏ	Dây dẫn (L)	Đường kính ngoài hoàn chỉnh (I)
Dây 2 lõi	0.75mm ²	Ø6.6mm
	1.25mm ²	Ø7.4mm
	2.0mm ²	Ø8.0mm
Dây 3 lõi	0.75mm ²	Ø7.0mm
	1.25mm ²	Ø7.8mm
	2.0mm ²	Ø8.5mm
Dây 4 lõi	0.75mm ²	Ø7.6mm
	1.25mm ²	Ø8.5mm



VCTF: Loại cáp dành cho thiết bị trong nhà có điện áp tối đa 300V hoặc thấp hơn, được sản xuất bằng dây đồng tráng lớp PVC cách điện.

- Khi đấu nối các đầu của công tắc, không kết nối trực tiếp dây dẫn vào đầu cuối, mà sử dụng đầu nối kẹp dạng O với lớp bảo vệ cách điện.
- Sau khi đấu dây, đảm bảo lắp vỏ bảo vệ trước khi cấp nguồn. Nếu không, có thể gây giật điện.



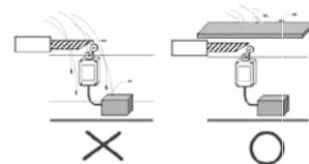
Lực siết chặt

Khi lắp đặt sản phẩm, lực siết quá mạnh cho các bulông hoặc đinh ốc có thể làm hỏng sản phẩm.

Lắp đặt phía trước	M4 - Tối đa 12kgf.cm / 1.2N.m
Lắp đặt phía sau	M5 - Tối đa 19.6kgf.cm / 2.0N.m
Đấu nối công tắc	M3 - Tối đa 4.9kgf.cm / 0.5N.m

Môi trường

- Không sử dụng sản phẩm dưới nước hoặc dầu, hoặc ở môi trường bị ảnh hưởng bởi dầu hoặc nước vì sản phẩm này không hoàn toàn chống nước.
- Không sử dụng sản phẩm tại những nơi có nguy cơ cháy hoặc ăn mòn.
- Các điều kiện thực tế có thể ảnh hưởng đến độ tin cậy của sản phẩm, bao gồm cả tuổi thọ và độ kín khí đã được đảm bảo.

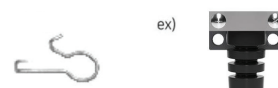


Phụ kiện cơ bản

- Ốc bắt phía trước: M4×35 – 2 chiếc, M4×20 – 2 chiếc
- Ốc bắt phía sau: M5×10 – 4 chiếc



- Clip buộc dây



Thắt chặt dây dẫn phía dưới bằng cách dùng clip buộc dây.

CÔNG TẮC HÀNH TRÌNH **DÒNG GGZ7**



Dạng công tắc

GGZ7

-

1

2

GGZ-P701A : Loại nhấn pit tông đầu cỡ lớn, dài
 GGZ-P701B : Loại nhấn pit tông đầu cỡ trung, ngắn
 GGZ-P701C : Loại nhấn pit tông đầu bi, ngắn
 GGZ-P701D : Loại nhấn pit tông đầu nhỏ, dài
 GGZ-PR708A : Loại nhấn pit tông, con lặn ngang
 GGZ-PR708B : Loại nhấn pit tông, con lặn dọc

GGZ-R704A : Loại đòn bẩy con lặn cỡ ngắn
 GGZ-R704C : Loại đòn bẩy con lặn cỡ dài
 GGZ-L707A : Loại đòn bẩy cỡ ngắn
 GGZ-L707B : Loại đòn bẩy cỡ trung
 GGZ-L707C : Loại đòn bẩy cỡ dài
 GGZ-L707D : Loại đòn bẩy cỡ siêu dài

Thông số kỹ thuật

Hình thức tiếp xúc		1C
Chất liệu tiếp xúc		Hợp kim Bạc (Ag alloy)
Khoảng cách kết nối & tiếp xúc		0.5mm
Điện trở cách điện		Tối thiểu 100 MΩ (tại 500VDC)
Điện trở tiếp xúc		Tối đa 50 mΩ
Dòng điện rò đất		Chỉ số mở bình thường (N/O) 15A
Tốc độ hoạt động		0.01mm/s ~ 0.5m/s
Độ cứng cách điện		2000VAC trong 1 phút
Tuổi thọ	Điện	Tối thiểu 500.000 lần
	Cơ khí	Tối thiểu 20.000.000 lần
Điện cảm		
Kháng rung lắc		10Hz~ 55Hz Biên độ bền 1.5mm
Chống sốc va đập	Sự cố kỹ thuật	Max. 30G
	Phá hủy	Max. 100G
Nhiệt độ môi trường		-25°C ~ +80°C (không có đóng băng)
Độ ẩm môi trường		35% ~ 85% RH
Lực vận chuyển		1.2N·m (12.24kgf·cm)

Ghi chú:

Đây là trường hợp cho loại nút nhấn (Các giá trị dành cho bộ truyền động loại cần gạt).

Trong các loại khác ngoài nút nhấn, tuổi thọ cơ học là 10 triệu lần và lỗi hoạt động là 1ms hoặc ít hơn.

Xếp hạng tiếp xúc

Điện áp	Không cảm ứng			Cảm ứng		
	Tải kháng	Tải trở		Tải cảm ứng	Tải trở	
		Mở	Đóng		Mở	Đóng
125VAC	15A	1.5A	3A	15A	2.5A	5A
250VAC	15A	1.25A	2.5A	15A	1.5A	3A
500VAC	10A	0.75A	1.5A	6A	0.75A	1.5A
8VDC	15A	1.5A	3A	15A	2.5A	5A
14VDC	15A	1.5A	3A	10A	2.5A	5A
30VDC	6(2)A	1.5A	3A	5(1)A	2.5(1)A	5(1)A
125VDC	0.5A	0.5A	0.5A	0.05A	0.05A	0.05A
250VDC	0.25A	0.25A	0.25A	0.03A	0.03A	0.03A

Các giá trị đề cập ở trên là các giá trị dòng điện liên tục không đổi (dòng dòng định mức).
Mô-men xoắn của tải cảm ứng có hệ số công suất từ 0,4 trở lên (AC), và một hệ số thời gian cố định là 7m/s hoặc thấp hơn (DC).
Dòng điện trong mạch không tải lớn hơn mười lần so với dòng điện không tải của đèn, và sáu lần trong mạch động cơ

Lựa chọn sản phẩm

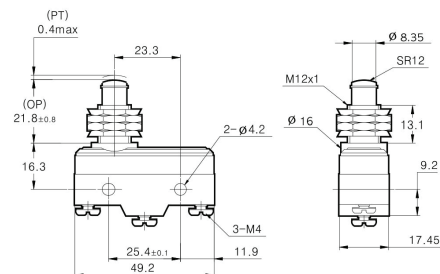
	Mã số	Hình dạng đầu	OF	RF	PT	OT	ME	MD	FD	OP	KS
	GGZ-P701A	Loại nhấn pit tông đầu cỡ lớn, dài	250~350gf (2.45 ~3.43N)	114gf (1.12N)	0.4mm	5.5mm	-	0.05mm	-	21.8 ± 0.8mm	-
	GGZ-P701B	Loại nhấn pit tông đầu cỡ trung, ngắn	250~350gf (2.45 ~3.43N)	114gf (1.12N)	0.4mm	0.16mm	-	0.05mm	-	21.5 ± 0.5mm	-
	GGZ-P701C	Loại nhấn pit tông đầu bi, ngắn	250~350gf (2.45 ~3.43N)	114gf (1.12N)	0.4mm	0.13mm		0.05mm	-	15.9 ± 0.4mm	-
	GGZ-P701D	Loại nhấn pit tông đầu nhỏ, dài	250~350gf (2.45 ~3.43N)	114gf (1.12N)	0.4mm	0.16mm	-	0.05mm	-	28.2 ± 0.5mm	-
	GGZ-R704A	Loại đòn bẩy con lăn cỡ ngắn	160gf (1.57N)	42gf (0.41N)		2.4mm	-	0.5mm	32.5mm	30.2 ± 0.4mm	-

Lựa chọn sản phẩm

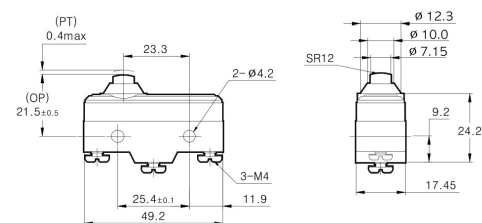
	Mã số	Hình dạng đầu	OF	RF	PT	OT	ME	MD	FD	OP	KS
	GGZ-R704C	Loại đòn bẩy con lăn cỡ dài	100gf (0.98N)	22gf (0.22N)	4.0mm	1.02mm	-	-	36.5mm	30.2 ± 0.8mm	-
	GGZ-L707A	Loại đòn bẩy cỡ ngắn	95gf (0.95N)	18gf (0.18N)	-	4.2mm	-	0.95mm	26.2mm	19.0 ± 0.8mm	-
	GGZ-L707B	Loại đòn bẩy cỡ trung	80gf (0.78N)	15.5gf (0.15N)	-	4.8mm	-	1.12mm	27.2mm	19.0 ± 0.8mm	-
	GGZ-L707C	Loại đòn bẩy cỡ dài	250~350gf (2.45 ~3.43N)	114gf (1.12N)	0.4mm	0.16mm	-	0.05mm	-	28.2 ± 0.5mm	-
	GGZ-L707D	Loại đòn bẩy cỡ siêu dài	6gf (58.8mN)	0.5gf (4.90N)	19.8mm	10.0mm	-	2.0mm	-	19.8 ± 1.6mm	-
	GGZ-PR708A	Loại nhấn pit tông, con lăn ngang	250~350gf (2.45 ~3.43N)	114gf (1.12N)	0.4mm	3.58mm	-	0.05mm	-	33.4 ± 1.2mm	-
	GGZ-PR708B	Loại nhấn pit tông, con lăn dọc	250~350gf (2.45 ~3.43N)	114gf (1.12N)	0.4mm	3.58mm	-	0.05mm	-	33.4 ± 1.2mm	-

Lựa chọn sản phẩm

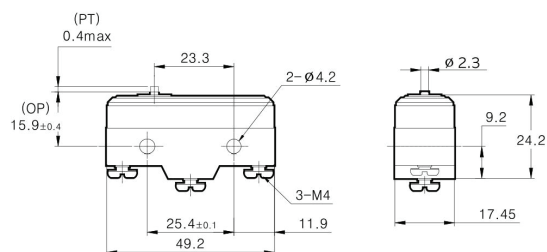
Loại nhấn pit tông đầu cỡ lớn, dài
GGZ-P701A



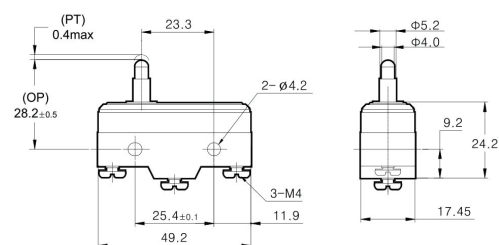
Loại nhấn pit tông đầu cỡ trung, ngắn
GGZ-P701B



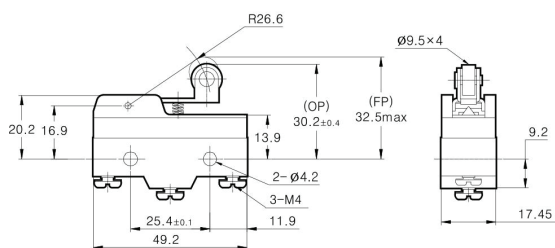
Loại nhấn pit tông đầu bị, ngắn
GGZ-P701C



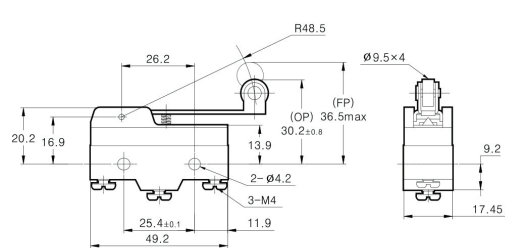
Loại nhấn pit tông đầu nhỏ, dài
GGZ-P701D



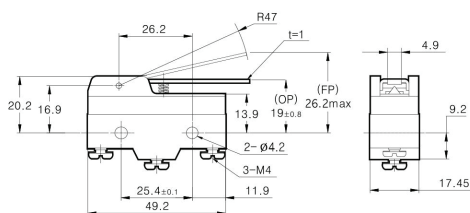
Loại đòn bẩy con lăn cỡ ngắn
GGZ-R704A



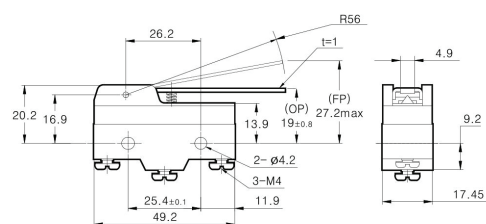
Loại đòn bẩy con lăn cỡ dài
GGZ-R704C



Loại đòn bẩy cỡ ngắn
GGZ-L707A

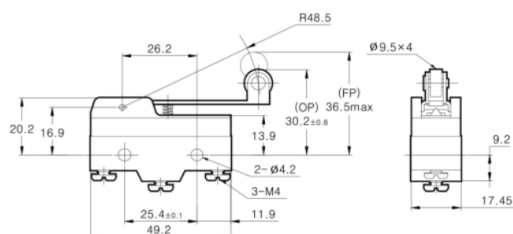


Loại đòn bẩy cỡ trung
GGZ-L707B

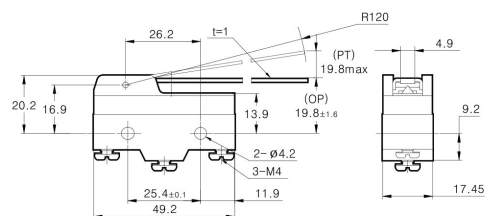


Lựa chọn sản phẩm

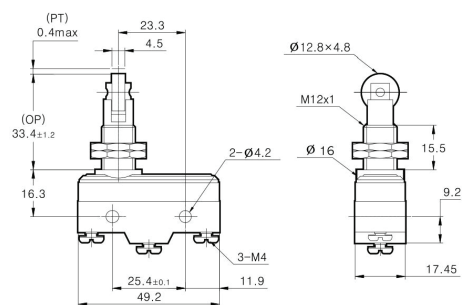
Loại đòn bẩy cỡ dài
GGZ-L707C



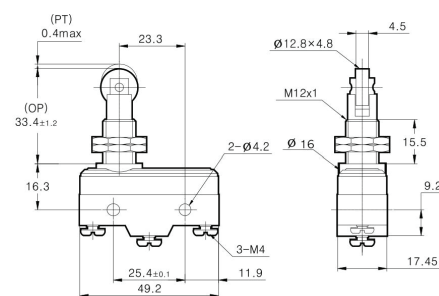
Loại đòn bẩy cỡ siêu dài
GGZ-L707D



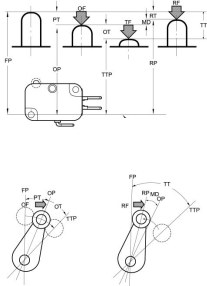
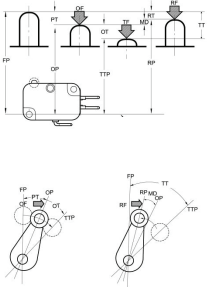
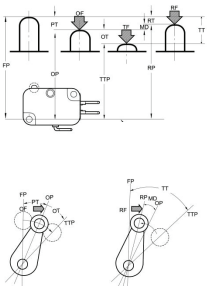
Loại nhấn pit tông, con lăn ngang
GGZ-PR708A



Loại nhấn pit tông, con lăn dọc
GGZ-PR708B



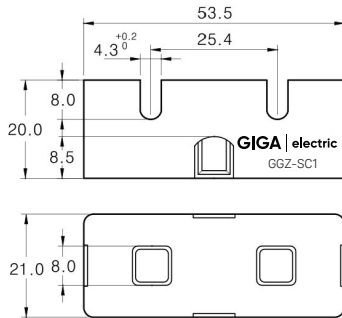
Thuật ngữ

Đặc điểm vận hành	Loại	Viết tắt	Thuật ngữ	Đơn vị	Định nghĩa
	Lực	Lực cần thiết để vận hành	OF	g, kg, g-mm	Lực do bộ truyền động yêu cầu cho chuyển động từ vị trí giới hạn của bộ truyền động đến vị trí vận hành.
		Lực khôi phục	RF	g, kg, g-mm	Lực trên bộ truyền động yêu cầu cho chuyển động từ vị trí giới hạn vận hành đến vị trí khôi phục.
		Lực cần thiết cho toàn bộ chuyển động	TF	g, kg, g-mm	Lực trên bộ truyền động yêu cầu cho chuyển động từ vị trí vận hành đến vị trí giới hạn vận hành.
	Chuyển động	Chuyển động tới vị trí vận hành	PT	mm, độ	Khoảng cách hoặc góc từ vị trí tự do của bộ truyền động đến vị trí vận hành.
		Chuyển động sau khi vận hành	OT	mm, độ	Khoảng cách hoặc góc từ vị trí vận hành đến vị trí giới hạn vận hành của bộ truyền động.
		Khoảng cách lệch tâm (Hysteresis distance)	MD	mm, độ	Khoảng cách hoặc góc từ vị trí vận hành của bộ truyền động tới vị trí trở lại.
		Tổng chuyển động	TT	mm, độ	Khoảng cách hoặc góc từ vị trí tự do đến vị trí giới hạn.
	Vị trí	Vị trí tự do	FP	mm, độ	Vị trí của bộ truyền động khi không có lực tác dụng từ bên ngoài.
		Vị trí vận hành	OP	mm, độ	Vị trí của bộ truyền động khi lực tác dụng bên ngoài được áp dụng và tiếp xúc chuyển động hoạt động.
		Vị trí trở lại	RP	mm, độ	Vị trí của bộ truyền động khi lực tác động bên ngoài được giảm xuống và liên tục chuyển động về vị trí ban đầu.
		Vị trí giới hạn vận hành	TTP	mm, độ	Vị trí của bộ truyền động khi đạt đến điểm dừng của bộ truyền động.

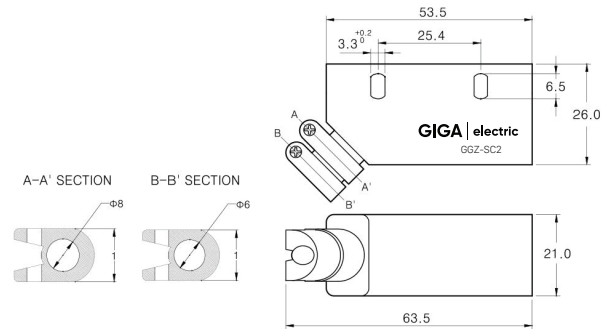
Lựa chọn thêm

Vỏ bảo vệ

GGZ-SC1



GGZ-SC2



Cảnh báo điện

• Điều kiện điện

Kiểm tra mức độ bởi vì tiếp xúc có khả năng phá vỡ khác nhau cho AC và DC. Đối với điện áp nhỏ và vi mô, sử dụng tiếp điểm cho tải trọng nhỏ.

Kiểm tra dòng điện rò rỉ, dòng liên tục ở trạng thái ổn định và dòng rò rỉ.

Đo trở kháng tiếp điểm ở DC 6 V ~ DC 8 V và 1 A (tuân thủ phương pháp đo điện áp để đo dòng rò rỉ cho dòng điện nhỏ).

Sự khác biệt giữa dòng liên tục ổn định và dòng rò rỉ có thể biến đổi tùy theo loại tải. Kiểm tra giá trị dòng rò rỉ.

• Các mức độ dựa trên các điều kiện sau

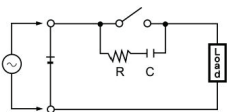
Tải cảm ứng: hệ số công suất 0.4 hoặc lớn hơn (AC), thời gian dài 7 ms hoặc nhỏ hơn (DC)

Tải đèn: dòng rò rỉ $\geq 10 \times$ dòng ổn định liên tục

Tải động cơ: dòng rò rỉ $\geq 6 \times$ dòng ổn định liên tục

• Ghi chú cho mạch điện

Trong mạch cảm ứng quá tải, dòng và dòng rò rỉ tại điểm mở/đóng của mạch có thể gây ra các vấn đề tiếp xúc. Vì vậy, nên chèn một mạch bảo vệ như sau.



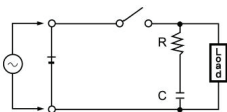
Thường được sử dụng cho mạch DC.

Cần có điện trở vài ohm.

Khi sử dụng cho mạch AC, tải phải nhỏ.

R: 10Ω ~ 100Ω

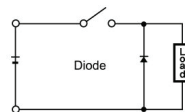
C: 0,05~0,1μF



Được sử dụng cho cả mạch AC và DC.

R: 10Ω

C: 0,1~0,2μF

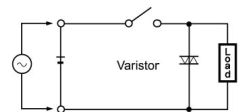


Chỉ sử dụng cho mạch DC.

Chọn một đi ốt có biên độ

đủ lớn so với điện áp

chịu đựng ngược.



Được sử dụng cho cả mạch AC và DC.

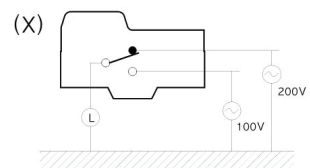
Chọn điện trở có điện áp

cao hơn điện áp nguồn

1,5 lần.

Không kết nối các cực và loại nguồn khác nhau vào một tiếp điểm công tắc.

Không áp dụng điện áp giữa các điểm tiếp xúc (Điều này gây ra sự tiếp xúc hỗn hợp và mối hàn tiếp xúc)



● **Ứng dụng vào mạch điện tử (điện áp thấp và dòng điện thấp)**

1. Công tắc vi mô tạo ra tiếng nảy và tiếng lách cách giữa các điểm tiếp xúc khi bật/tắt. Điều này gây ra sự cố, bao gồm tiếng ồn và xung sai, cho các mạch điện tử hoặc thiết bị âm thanh.
2. Khi sự nảy và tiếng kêu gây ra vấn đề, cần nghiên cứu để cung cấp mạch hấp thụ ngoài mạch CR.
3. Ở những khu vực đòi hỏi độ tin cậy tiếp xúc cao thì các tiếp điểm Ag vốn được sử dụng rộng rãi nay lại ít được sử dụng. Tiếp điểm Au có hiệu suất cao đối với điện áp nhỏ và dòng điện nhỏ.

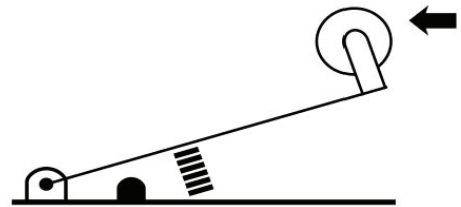
Cảnh báo cơ khí

● **Điều kiện cơ khí**

- Chọn bộ truyền động theo phương pháp vận hành.
Không áp dụng lực quá mạnh vào bộ truyền động.
Kiểm tra tốc độ chuyển mạch và tần số.
- 1, Nếu tốc độ chuyển mạch quá chậm và không ổn định, có thể xảy ra tiếp xúc kém hoặc hàn tiếp xúc.
 - 2, Nếu tốc độ chuyển mạch quá cao, có thể không hoàn tất chuyển mạch.

● **Các lưu ý**

- Phương pháp vận hành, kiểu cam hoặc dog, tần số, và chuyển động sau khi chuyển đổi ảnh hưởng đáng kể đến tuổi thọ và độ chính xác của sản phẩm.
Sử dụng các loại cam hoặc dog có hình dạng chung.
Không cho phép tải mở một phía của bộ truyền động chuyển mạch và tránh mài mòn.
Điều chỉnh bộ truyền động sao cho không vượt quá OT.
Quỹ đạo vận hành đúng là 70% ~ 100% của OT tiêu chuẩn.
Nếu OT vượt quá giới hạn, có thể gây hỏng hóc.
Sử dụng bộ chuyển mạch phù hợp với đặc tính của bộ truyền động.
Đối với cần gạt con lăn, không tác dụng lực theo hướng mũi tên trong hình.
Tránh sửa đổi vị trí vận hành bằng cách xử lý bộ truyền động.



Cảnh báo khi gắn

● **Môi trường**

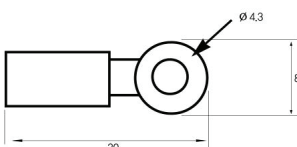
- Nếu công tắc không chống nước và niêm phong, không sử dụng sản phẩm trong môi trường có dầu hoặc nước văng tung tóe hoặc bắn ra.
Sử dụng vỏ bảo vệ để tránh tiếp xúc trực tiếp với chất lỏng. Công tắc giới hạn phù hợp hơn cho trường hợp này so với công tắc tiêu chuẩn.
Liên hệ khi sử dụng công tắc giới hạn ngoài trời hoặc cất giấu đặc biệt để phù hợp với vật liệu của bộ chuyển mạch dự kiến.
Đặt công tắc ở nơi không tiếp xúc trực tiếp với chất thải hoặc bụi khi xử lý.
Bảo vệ bộ truyền động và thân bộ chuyển mạch khỏi chất thải cất hoặc các chất ngoại lai.
Không sử dụng công tắc trong điều kiện nhiệt độ hoặc không khí khác ngoài quy định.
Nhiệt độ môi trường cho phép thay đổi theo loại sản phẩm (kiểm tra đặc điểm kỹ thuật của sản phẩm).
Trong trường hợp thay đổi nhiệt độ đột ngột, lực tác động ảnh hưởng đến công tắc có thể gây hỏng hóc.
Khi lắp đặt công tắc ở nơi hoạt động hoặc trong điều kiện thiết bị, cần thực hiện thêm các biện pháp phù hợp.

● **Loại lắp đặt bằng điều khiển**

- Sử dụng vít M4 để cố định. Lắp đặt sản phẩm một cách cố định bằng cách dùng đinh tán phẳng hoặc lò xo đẩy.
Mô-men xoắn siết phù hợp là từ 12 đến 15 kgf·cm (1.18 ~ 1.47 N·m).
Mô-men xoắn siết phù hợp cho bu lông hình lục giác của bộ truyền động là 50 kgf·cm (4.9 N·m).
Khi lắp đặt bộ chuyển mạch pushbutton theo kiểu bánh xe bên cạnh, tháo các bu lông hình lục giác khỏi bộ phận của bộ truyền động.
Đối với kết nối với đầu cực, sử dụng các đầu cắm với mô-men siết từ 8 đến 12 kgf·cm (0.78 ~ 1.18 N·m). (Thông số dây phù hợp: VCT 1.25 mm², dây ba dây)

● **Loại chống rò rỉ dầu**

- Không ngâm sản phẩm trong dầu vì sản phẩm không hoàn toàn kín dầu.
Tránh sử dụng sản phẩm trong điều kiện nhiệt độ có thể thay đổi đột ngột.



Các thông số kỹ thuật và vật liệu có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

CÔNG TẮC HÀNH TRÌNH **DÒNG GGZ5**

CÔNG TẮC HÀNH TRÌNH LOẠI NHỎ



Dạng công tắc

GGZ

-

1

P5010 : Loại nhấn pit tông

R504A : Loại đòn bẩy con lăn cỡ ngắn

R504C : Loại đòn bẩy con lăn cỡ dài

L507A : Loại đòn bẩy cỡ ngắn

L507D : Loại đòn bẩy cỡ dài

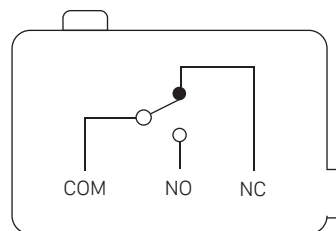
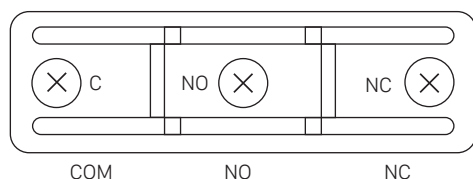
PR508H : Loại nhấn pit tông, con lăn ngang

PR508V : Loại nhấn pit tông, con lăn dọc

Đặc tính chuyển mạch

Hình thức tiếp điểm	1C (1a+1b)
Chất liệu tiếp điểm	Hợp kim Bạc
Khoảng cách tiếp điểm	0.5mm
Điện trở tiếp điểm	Max. 50mΩ (giá trị ban đầu)
Dòng quá tải	Tiếp điểm NC Max. 30A, tiếp điểm NO Max. 15A

Hình vẽ tiếp điểm



Thông số kỹ thuật

Tốc độ hoạt động	0,01mm/Sek ~ 0,5mm/Sek
Tần suất hoạt động	Điện: 20 lần thao tác/phút
Độ cứng cách điện	Giữa các cực cùng phương polarity: 1000VAC 50/60Hz trong 1 phút Giữa mỗi cực và phần kim loại không sẵn sàng nạp điện: 1500VAC 50/60Hz trong 1 phút
Trở resistance cách điện	100MΩ @ 500VDC
Rung	10Hz~55Hz, biên độ gấp đôi 1.5mm
Sốc	Chịu đựng cơ học: 1.000m/Sec ² (khoảng 100g) Hông hóc: 300m/Sec ² (khoảng 30g)
Tuổi thọ	Điện: trên 0,5 triệu lần
Xếp hạng IP	IP65
Chống sốc điện	Loại I
Nhiệt độ môi trường	-10°C~80°C (không đóng băng)
Độ ẩm môi trường	35%~85%RH
Mô men xoắn vít dây điện	1.2N·m (12.25kgf·cm)

Tải trọng

Điện áp	Tải không cảm ứng (A)				Tải cảm ứng (A)			
	Điện trở		Công suất bóng đèn		Cảm ứng		Động cơ	
	NC(A)	NO(A)	NC(A)	NO(A)	NC(A)	NO(A)	NC(A)	NO(A)
AC 125V	15		3	1.5	1.5		5	2.5
AC 250V	15		2.5	1.25	1.5		3	1.5
AC 500V	10		1	0.75	8		1.5	0.75
DC 14V	15		3	1.5	15		5	2.5
DC 14V	15		3	1.5	10		5	2.5
DC 30V	6		3	1.5	5		5	2.5
DC 125V	0.5		0.5	0.5	0.05		0.05	0.05
DC 250V	0.25		0.25	0.25	0.03		0.03	0.03

Lưu ý:

Tải cảm ứng có hệ số công suất là 0.4 tối thiểu (AC) và hằng số thời gian là 7ms tối đa (DC).

Tải bóng đèn có dòng điện rò rỉ của dòng quá áp gấp 10 lần dòng quá áp, trong khi tải động cơ có dòng rò rỉ của dòng quá áp gấp 6 lần dòng quá áp.

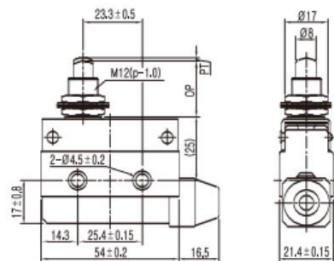
Với lò xo, phạm vi hoạt động của phần có thể sử dụng nằm trong khoảng một phần ba tổng chiều dài của lò xo, bắt đầu từ phần đầu phía trước của lò xo.

Lựa chọn sản phẩm

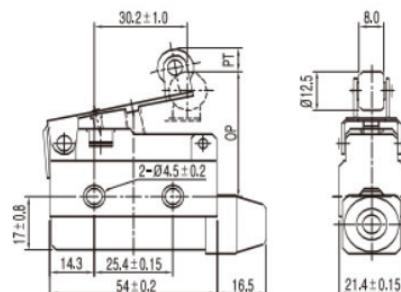
	Mã số	OF	RF	PT	MD	OT	OP
	GGZ-P5010	600gf (5.88N)	100gf (0.98N)	2.0mm	0.8mm	0.6mm	21.8 ± 0.8mm
	GGZ-R504A	240gf (2.35N)	80gf (0.78N)	6.5mm	1.5mm	2.0mm	40 ± 1.0mm
	GGZ-R504C	180gf (1.77N)	50gf (0.49N)	11.0mm	2.4mm	3.0mm	40 ± 1.0mm
	GGZ-L507A	220gf (2.16N)	60gf (0.59N)	8.5mm	2.0mm	2.5mm	25 ± 1.3mm
	GGZ-L507D	150gf (1.47N)	40gf (0.39N)	13.5mm	3.2mm	4.0mm	25 ± 2.0mm
	GGZ-PR508H	600gf (5.88N)	100gf (0.98N)	2.0mm	0.8mm	0.8mm	33.3 ± 1.2mm
	GGZ-PR508V	600gf (5.88N)	100gf (0.98N)	2.0mm	0.8mm	0.8mm	21.8 ± 0.8mm

Lựa chọn sản phẩm

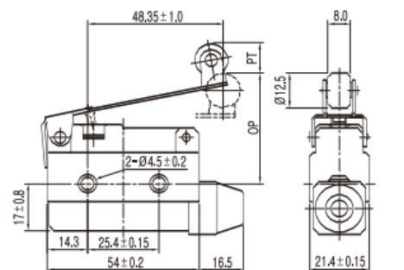
Loại nhấn pit tông
GGZ-P5010



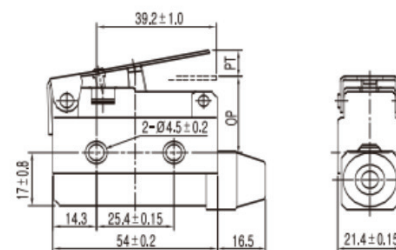
Loại đòn bẩy con lăn cỡ ngắn
GGZ-R504A



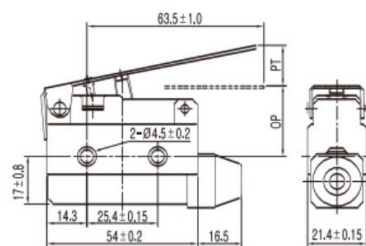
Loại đòn bẩy con lăn cỡ dài
GGZ-R504C



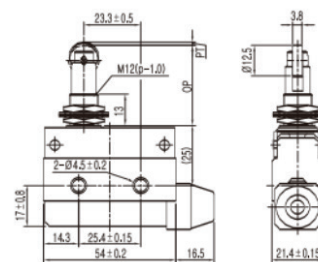
Loại đòn bẩy cỡ ngắn
GGZ-L507A



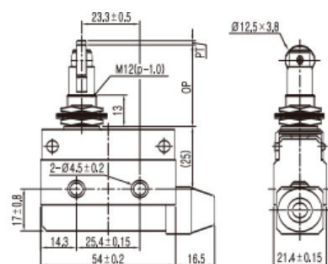
Loại đòn bẩy cỡ dài
GGZ-L507D



Loại nhấn pit tông, con lăn ngang
GGZ-PR508H



Loại nhấn pit tông, con lăn dọc
GGZ-PR508V



GIGA | **electric**